

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 08 /2018/ DS-ST

Ngày: 30 -7 - 2018

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Triều Châu.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Vũ Xuân Tuất và bà Trần Thị Quỳnh.
- *Thư ký phiên tòa :* Bà Hoàng Thị Nhung - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.
- *Đại diện VKSND huyện Trảng Bom :* Bà Phạm Thị Kiều Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 30/7/2018, Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2017/TLST-DS, ngày 12/4/2017, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXX-DS, ngày 20/6/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 131/2018/QĐST-DS ngày 09/7/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1972. Trú tại: 98/3 ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa, huyện T, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nhung: Ông Phạm Quốc V, sinh năm 1977. Trú tại: tổ 9, ấp 4, xã S, huyện T, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Bà Lăng Kim U, sinh năm 1965. Trú tại: 160A/4 ấp Lộc Hòa, xã T, huyện T, tỉnh Đ.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Đỗ Văn Q, sinh năm 1961. Trú tại: 160A/4 ấp Lộc Hòa, xã T, huyện T, tỉnh Đ.

(Ông Vượng có mặt, Bà Uyên vắng mặt, ông Quý có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại phiên tòa và các tài liệu có trong hồ sơ thì thấy người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Vì có quen biết với bà U nên bà Nh có cho bà U và ông Q vay nhiều lần tiền nhưng đến ngày 20/12/2015 có chốt lại số tiền vay là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), thời hạn vay là 04 tháng kể từ ngày 20/12/2015, không thỏa thuận lãi suất và không thế chấp tài sản; Đến thời hạn trả nợ bà U không trả và có dấu hiệu bỏ trốn nên bà Nh mới làm đơn tố cáo bà U đến Công an huyện Trảng Bom. Ông Q chồng bà U đứng ra trả nợ thay cho bà Nh được 5.500.000đ. Số tiền còn nợ lại là 14.500.000đ (mười bốn triệu năm trăm ngàn đồng). Đến nay bà U và ông Q không trả khoản nợ còn lại cho bà Nh. Nay bà Nh yêu cầu bà U và ông Q phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền gốc còn nợ lại là 14.500.000đ và tiền lãi từ 30/9/2016 đến ngày 30/7/2018, cụ thể: $14.500.000đ \times 1\%/tháng \times 22\text{ tháng} = 3.190.000đ$ (ba triệu một trăm chín mươi ngàn đồng).

Bị đơn vắng mặt tại các buổi làm việc nên không có lời trình bày.

Ông Q vắng mặt nhưng đã có bản tự khai trình bày: Việc số tiền nợ là giữa bà Nh và bà U chịu trách nhiệm, ông không biết và không có liên quan gì vì hoàn cảnh của ông giờ rất khó khăn nên không thể trả nợ thay cho bà U được và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến: Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật, thẩm phán thu thập chứng cứ đầy đủ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nh và buộc ông Đỗ Văn Q và bà Lăng Kim U có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc là 14.500.000đ và tiền lãi từ ngày 30/9/2016 đến ngày 30/7/2018 là 3.190.000đ cho bà Nguyễn Thị Nh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét, kiểm tra các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, hội đồng xét xử nhận định:

- **Về quan hệ pháp luật:** Tranh chấp giữa các bên là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, do vậy căn cứ vào điều 26, điều 35 bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

- **Về tố tụng :** Bà U vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc và Tòa án đã ra Quyết định hoãn phiên tòa vào ngày 09/7/2018. Ông Quý có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc cũng như tại phiên tòa xét xử, căn cứ các điều 227, 228- Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

- Việc giao dịch giữa các bên xảy ra từ năm 2015 nên cần áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết.

- **Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:**

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nh yêu cầu bà U và ông Q có trách nhiệm liên đới trả tiền gốc là 14.500.000đ: Bà Lăng Kim U có vay tiền nhiều lần của bà Nguyễn Thị Nh. Đến ngày 20 tháng 9 năm 2015 bà Lăng Kim U và bà Nguyễn Thị

Nh có chốt lại số tiền vay là 20.000.000đ(hai mươi triệu đồng), có lập giấy vay, thời hạn vay là 04 tháng kể từ ngày 20/9/2015. Đến hạn trả nợ bà Nh đã nhiều lần yêu cầu bà U trả nợ nhưng bà U không chịu trả. Bà Nh cùng một số người khác có làm đơn tố cáo bà Lăng Kim U tại Công an huyện Trảng Bom. Tại biên bản ghi lời khai ngày 26/9/2016 và biên bản làm việc ngày 30/9/2016 của Công an huyện Trảng Bom thì ông Đỗ Văn Q (chồng của bà Lăng Kim U) cam kết đứng ra trả nợ thay cho bà Lăng Kim U và cũng thừa nhận số tiền bà U vay mượn là để chăn nuôi heo nhưng do bị thua lỗ và bà U đi làm ăn xa nên đứng ra khắc phục số tiền bà U đã vay. Việc ông Q có bản tự khai và trình bày việc bà U vay tiền của bà Nguyễn Thị Nh ông Q không biết là hoàn toàn không có căn cứ. Từ những chứng cứ nêu trên cần buộc bà U và ông Q có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Nh số tiền gốc 14.500.000đ(mười bốn triệu năm trăm ngàn đồng).

[2] Về yêu cầu trả tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu ông Q, bà U có trách nhiệm liên đới trả số tiền lãi 1%/01 tháng đối với số tiền gốc là 14.500.000đ từ ngày 30/9/2016 đến ngày 30/7/2018, căn cứ điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 cần buộc bà U và ông Q trả số tiền lãi cho bà Nguyễn Thị Nh. Cụ thể mức lãi được tính như sau: $14.500.000 \text{ đ} \times 1\% \times 22 \text{ tháng} = 3.190.000\text{đ}$ (ba triệu một trăm chín mươi ngàn đồng).

[3] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Buộc ông Đỗ Văn Q và bà Lăng Kim U phải nộp 884.500đ(tám trăm tám mươi bốn ngàn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị Nh được chấp nhận nên cần hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí mà bà Nhung đã nộp.

Tại phiên tòa đại diện VKS cho rằng thẩm phán thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử đúng quy định, bảo đảm quyền, nghĩa vụ của các đương sự. Về nội dung giải quyết vụ án Viện kiểm sát đề nghị phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 5, điều 26; điều 35; điều 68, điều 144, 147, 227, 228, 273 BLTTDS; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 471; 474 và 476 BLDS năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của bà Nguyễn Thị Nh.

2. Buộc bà Lăng Kim U và ông Đỗ Văn Q phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Nh tổng số tiền là 17.690.000đ (mười bảy triệu sáu trăm chín mươi ngàn đồng). Trong đó số tiền gốc là 14.500.000đ (mười bốn triệu năm trăm ngàn đồng) và tiền lãi là 3.190.000đ (ba triệu một trăm chín mươi ngàn đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nh nếu ông Q và bà U chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên, thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí :

3.1. Buộc bà Lăng Kim U và ông Đỗ Văn Q phải nộp 884.500 đồng (Tám trăm tám mươi bốn ngàn năm trăm đồng) án phí DSST.

3.2. Trả lại cho bà Nguyễn Thị Nh số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 362.500đ (Ba trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm đồng) theo biên lai thu số 005154 ngày 12/4/2017 tại Chi cục THADS huyện Trảng Bom.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày. Người có mặt tính từ ngày tuyên án, người vắng mặt tính từ ngày nhận bản án, hoặc bản án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đ/s
- TAND tỉnh
- VKS huyện
- Chi cục THADS huyện.
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Triều Châu

